

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH TRÀ VINH

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13/01/2021

V/v “Tranh chấp về ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Đến

Ông Ngô Thành Chiến

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Kiên Thị Minh Hiếu là thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh**
tham gia phiên tòa: ông Trịnh Văn Thanh, kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 88/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp về ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXX-ST ngày 15 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04/01/2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu Tr, sinh năm 1982 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đức M A, xã Đức M, huyện Càng L, tỉnh Trà Vinh

Bị đơn: Anh Võ Văn T, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Qui N B, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Tạm trú: ấp Bà Tr, xã Hưng M, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Tr có ý kiến: Chị với anh T trước khi tiến đến hôn nhân có tìm hiểu nhau được một thời gian, sau khi được sự đồng ý của cha mẹ hai bên, chị và anh T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Đ vào năm 2000. Sau ngày cưới chị về làm dâu được 10 năm thì vợ chồng ra ở riêng. Vợ chồng chị sống

hạnh phúc đến năm 2012 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau, hai vợ chồng cũng từng cho cơ hội nhau nhưng vợ chồng không đoàn tụ được. Từ năm 2012 đến nay chị Tr về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân với anh T đã 08 năm. Trong thời gian này vợ chồng chị không có gặp nhau, nay chị Tr xét thấy không còn tình cảm với anh T nếu sống chung cũng không hạnh phúc. Chị Tr yêu cầu được ly hôn anh Võ Văn T.

- Về con chung có 01 người tên là Võ Trí Tr, sinh ngày 18/8/2000. Con đã trưởng thành, chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, nợ chung: Chị Tr khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Võ Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Hòa giải, Tòa án đã triệu tập họp lệ hai lần đến tham gia phiên tòa nhưng anh T vẫn không đến theo triệu tập của Tòa án, cũng không gửi văn bản nêu ý kiến của bản thân đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu Tr. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Võ Văn T.

* Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa hôm nay đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý đến thời điểm này nguyên đơn đã thực hiện theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn anh Võ Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến theo triệu tập của Tòa án cũng không gửi văn bản nêu rõ ý kiến là vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu Tr được ly hôn anh Võ Văn T.

Về con chung: Chị Tr và anh T có 01 người con chung là Võ Trí Tr, sinh ngày 18/8/2000. Do Trọng đã trưởng thành, chị Tr không yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản, nợ chung chị Nguyễn Thị Thu Tr khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Nguyễn Thị Thu Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh Võ Văn T, trú tại: ấp Qui N B, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, tạm trú: ấp Bà Tr, xã Hưng M, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, về con chung có 01 người đã trưởng thành, về tài sản, nợ chung chị Nguyễn Thị Thu Tr khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là “tranh chấp về ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh thụ lý vụ án theo thủ tục thông thường. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Tr có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh Võ Văn T Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần nhưng anh T vẫn không có mặt tham dự phiên tòa theo Giấy triệu tập của Tòa án. Nên Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại 207, 208, 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu Tr và anh Võ Văn T sau khi được sự đồng ý của cha mẹ hai bên, anh chị đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Đ, thành phố Trà Vinh vào năm 2000, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân chị Tr và anh T sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Tr và anh T không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi với nhau, nên từ năm 2012 đến nay chị Tr và anh T đã sống ly thân. Qua xác minh chính quyền địa phương cho biết chị Tr với anh T có mâu thuẫn với nhau là đúng và hiện tại anh T với chị Tr đã ly thân đến nay đã lâu, nay chính quyền ấp không có ý kiến gì về mối quan hệ hôn nhân của anh T, tùy theo quyết định của Tòa án.

Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng anh T, chị Tr trong cuộc sống vợ chồng có sự mâu thuẫn nên tính đến nay đã hơn 08 năm vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau, trong khoảng thời gian hơn 08 năm nay chị Tr và anh T đã bỏ mặt nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, anh chị không có biện pháp nào để vợ chồng cùng nhau hàn gắn đoàn tụ, như vậy trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng

chị Tr và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên đủ căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu Tr.

Về con chung: Anh T và chị Tr có được 01 người con chung là Võ Trí Tr, sinh ngày 18/8/2000. Nay cháu Trọng đã trưởng thành, chị Tr không yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu Tr khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu Tr.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu Tr và anh Võ Văn T được ly hôn

Về con chung: Anh T và chị Tr có được 01 người con chung là Võ Trí Tr, sinh ngày 18/8/2000. Cháu Trọng đã trưởng thành, chị Tr không yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu Tr khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến

2/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu Tr phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (án phí về hôn nhân gia đình), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên

lai thu số 0001406 ngày 20/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị Nguyễn Thị Thu Tr đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên toà biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Long Đức, tp Trà Vinh;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Phú Hiệp